

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS ÁI MỘ



ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP
KIỂM TRA GIỮA KỲ I
NĂM HỌC 2023-2024
LỚP 8

Hà Nội, năm 2023

MỤC LỤC

STT	Môn	Trang
1	Công nghệ	2
2	Khoa học tự nhiên	2
3	Địa lý	3
4	Lịch sử	4
5	Tin học	5
6	GDCD	11
7	Mỹ thuật	12
8	Âm nhạc	12
9	Thể dục	12
10	Ngữ văn	12
11	Tiếng Anh	13
12	Toán	15

MÔN CÔNG NGHỆ

A. Trắc nghiệm

1. Hãy nêu kích thước khổ giấy TCVN7285: 2003, Tỉ lệ TCVN7286: 2003. Nét vẽ TCVN824: 2002. Kích thước
2. Hãy nêu các hướng hình chiếu vuông góc. Khái niệm, hình chiếu của khối đa diện và khối tròn xoay
3. Hình trụ, hình nón, hình cầu được tạo thành như thế nào?
4. Các mặt đáy của hình lăng trụ đều, hình chóp đều, hình hộp chữ nhật bao bởi hình nào?
5. Hãy nêu nội dung bản vẽ chi tiết, đọc bản vẽ chi tiết ống lót, gối đỡ

B. Tự luận

1. Vẽ hình chiếu vuông góc đơn giản. Áp dụng 2.11 sách giáo khoa trang 14, 2.18 sách giáo khoa trang 17, 2.15 sách giáo khoa trang 19
 2. Trình bày nội dung bản vẽ chi tiết
 3. Trình bày nét vẽ
- Lưu ý: Ôn tập từ bài 1 đến bài 3

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN

I. LÝ THUYẾT:

1. Phát biểu các khái niệm: phản ứng hóa học, mol, tỷ khối chất khí, dung dịch, độ tan, nồng độ dung dịch.
2. Phát biểu định luật bảo toàn khối lượng. Giải thích vì sao khi một phản ứng hóa học xảy ra, khối lượng các chất được bảo toàn?
3. Các công thức chuyển đổi giữa lượng chất, khối lượng và thể tích, công thức tính nồng độ phần trăm, nồng độ mol của dung dịch, các bước lập PTHH, tính theo PTHH.

II. BÀI TẬP:

Bài 1. Xét phản ứng giữa khí Hydrogen H_2 và khí Chlorine Cl_2 tạo ra hydrochloric acid HCl . Hãy cho biết:

- a) Tên các chất phản ứng và sản phẩm?
- b) Liên kết giữa các nguyên tử thay đổi như thế nào? Phân tử nào biến đổi, phân tử nào được tạo ra?
- c) Trước và sau phản ứng số nguyên tử mỗi nguyên tố có thay đổi không?

Bài 2. Em hãy cho biết số nguyên tử hoặc phân tử có trong mỗi lượng chất sau:

- a) 1,5 mol nguyên tử Al ;
- b) 0,5 mol phân tử H_2 ;
- c) 0,25 mol phân tử $NaCl$;
- d) 0,05 mol phân tử H_2O

Bài 3. Em hãy tìm thể tích (ở đktc) của:

- a) 1 mol phân tử CO_2 ; 2 mol phân tử H_2 ; 1,5 mol phân tử O_2 ;
- b) 0,25 mol phân tử O_2 và 1,25 mol phân tử N_2 .

Bài 4. Em hãy cho biết khối lượng của N phân tử những chất sau: H_2O ; HCl ; Fe_2O_3 ; $C_{12}H_{22}O_{11}$.

Bài 5. Tính khối lượng khí H_2 có trong 7,437 lít khí H (đo ở đktc)?

Bài 6. Cho những chất khí sau: CO_2 , SO_2 , O_2 , CH_4 . Hãy cho biết những khí nào nặng hay nhẹ hơn H_2 và nặng hơn bao nhiêu lần? Hãy cho biết những khí nào nặng hay nhẹ hơn không khí và nặng hay nhẹ hơn không khí bao nhiêu lần?

Bài 7. Cho hỗn hợp khí X gồm 22 gam khí CO_2 , 12,8 gam khí SO_2 và 15,4 gam khí N_2O . Hãy xác định tỉ khối của hỗn hợp X so với khí N_2

Bài 8. Ở nhiệt độ 25°C độ tan của muối ăn là 36g của đường là 204g. Hãy tính nồng độ phần trăm của các dung dịch bão hòa muối ăn và đường ở nhiệt độ trên.

Bài 9. Tính độ tan của K_2CO_3 trong nước ở 20°C. Biết rằng ở nhiệt độ này hòa tan hết 45 gam muối trong 150 gam nước thì dung dịch bão hòa.

Bài 10. Hãy giải thích vì sao khi nung thanh Iron thì thấy khối lượng thanh Iron tăng lên, còn khi nung nóng đá vôi thấy khối lượng giảm đi.

Bài 11. Đốt cháy hết 9 gam kim loại magnesium Mg trong không khí thu được 15 g hỗn hợp chất magnesium Oxide MgO . Biết rằng magnesium cháy là xảy ra phản ứng với Oxygen O_2 trong không khí.

- Viết phản ứng hóa học trên.
- Viết công thức về khối lượng của phản ứng xảy ra.
- Tính khối lượng của khí Oxygen phản ứng.

Bài 12.

Xét thí nghiệm khi cho 208 g Barium chloride $BaCl_2$ tác dụng với 142 g Sodium sulfate Na_2SO_4 thì tạo thành Barium sulfate $BaSO_4$ và Sodium chloride $NaCl$.

- Viết phương trình chữ của phản ứng này.
- Viết công thức khối lượng của phản ứng vừa xảy ra.
- Tổng khối lượng các chất sau phản ứng là bao nhiêu?
- Nếu thu được 233 g $BaSO_4$, tính khối lượng $NaCl$ thu được.
- Biết trước khi phản ứng xảy ra có 137 g nguyên tử barium, thì sau phản ứng có bao nhiêu gam nguyên tử barium?
- Nếu sau khi phản ứng thu được 71 g nguyên tử chlorine, thì trước phản ứng đã có bao nhiêu gam nguyên tử Chlorine tham gia phản ứng.

Bài 13. Hòa tan hoàn toàn một lá Zinc vào dung dịch hydrochloric acid (HCl) sau phản ứng thu được muối Zinc chloride và 4,958 lít khí Hydrogen

- Viết phương trình phản ứng
- Tính khối lượng hydrochloric acid đã dùng
- Tính khối lượng Zinc chloride sinh ra sau phản ứng
- Nếu hiệu suất của phản ứng là $H = 80\%$. Hãy tính khối lượng hydrochloric acid tham gia và khối lượng Zinc ban đầu

Bài 14. Lập PTHH cho các sơ đồ phản ứng sau:

- $Mg + HCl \rightarrow MgCl_2 + H_2$
- $Fe_2O_3 + HCl \rightarrow FeCl_3 + H_2O$
- $Al + HCl \rightarrow AlCl_3 + H_2$
- $C_2H_6 + O_2 \rightarrow CO_2 + H_2O$
- $BaCl_2 + AgNO_3 \rightarrow Ba(NO_3)_2 + AgCl$
- $Al_2(SO_4)_3 + Ba(OH)_2 \rightarrow Al(OH)_3 + BaSO_4$
- $Cu + H_2SO_4 \rightarrow CuSO_4 + SO_2 + H_2O$
- $Fe_xO_y + H_2 \rightarrow Fe + H_2O$

MÔN ĐỊA LÝ

I. Câu hỏi tự luận.

- Cho biết các quốc gia và biển tiếp giáp với phần đất liền của Việt Nam.
- Mô tả hình dạng lãnh thổ phần đất liền của nước ta.
- Trình bày khái quát đặc điểm địa hình nước ta. Xác định một số dãy núi có hướng TB-ĐN và hướng vòng cung
- Trình bày đặc điểm các khu vực địa hình: đồi núi, đồng bằng
- Tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với sự phân hoá lãnh thổ tự nhiên và khai thác kinh tế.

II. Kỹ năng.

- Đọc lược đồ hành chính và địa hình Việt Nam
- Làm các bài tập trắc nghiệm trong vở bài tập địa lí 8.

III. Câu hỏi trắc nghiệm.

Ôn trong phạm vi các bài đã học từ bài 1 đến bài 3.

VD1. Tỉnh sau đây của nước ta không giáp biển

- A. Khánh Hòa
- B. Điện Biên
- C. Cà Mau
- D. Kiên Giang

VD 2. Hai hướng chủ yếu của địa hình nước ta là

- A. Đông Bắc – Tây Nam và Tây Bắc – Đông Nam.
- B. Tây Nam – Đông Bắc và Đông Nam – Tây Bắc.
- C. Tây Bắc – Đông Nam và vòng cung.
- D. Bắc – Nam và vòng cung.

***Một số câu hỏi gợi ý phần trắc nghiệm

Câu 1. Dựa vào atlas địa lí Việt Nam, Việt Nam gắn liền với châu lục và đại dương

Câu 2. Dựa vào atlas địa lí Việt Nam, Việt Nam có chung biên giới vừa trên đất liền vừa trên biển với quốc gia:

Câu 3. Dựa vào atlas địa lí Việt Nam, Lũng Cú, điểm cực Bắc nước ta thuộc tỉnh:

Câu 4. Dựa vào atlas địa lí Việt Nam, Đất Mũi, điểm cực Nam phần đất liền của nước ta nằm ở mũi:

Câu 5. Từ Bắc vào Nam, phần đất liền lãnh thổ nước ta kéo dài gần

Câu 6. Dựa vào atlas địa lí Việt Nam, Sín Thầu ($102^{\circ} 10' \text{Đ}$), điểm cực Tây nước ta thuộc tỉnh:

Câu 7. Vạn Thạnh ($109^{\circ} 24' \text{Đ}$) điểm cực Đông phần đất liền nước ta thuộc tỉnh:

Câu 8. Đặc điểm nổi bật của vị trí địa lí nước ta có ảnh hưởng lớn đến các thành phần tự nhiên khác

Câu 9. Vị trí nước ta có thuận lợi cho việc quản lí xã hội vì

Câu 10. Khung cơ bản của lãnh thổ nước ta được quy định bởi

Câu 11. Vòng cung là hướng chính của địa hình vùng

Câu 11. Cánh cung sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều nằm ở

Câu 12. Đỉnh Phan-xi-păng cao nhất Việt Nam nằm ở

Câu 13. Dựa vào Atlas hoặc bản đồ địa hình, cho biết dãy núi nào sau đây không chạy theo hướng tây bắc - đông nam ở nước ta là:

Câu 14. Núi Ngọc Linh (2598m) thuộc dãy:

Câu 15. Các cao nguyên badan phân bố ở:

Câu 16. Vùng núi chạy từ phía nam sông Cả tới dãy núi Bạch Mã là

Câu 17. Hướng nghiêng chính của địa hình nước ta là

Câu 18. Hệ thống đê dài hàng nghìn km ở đồng bằng sông Hồng là

Câu 19. Lí do chính buộc chúng ta phải sử dụng hợp lí, tiết kiệm tài nguyên khoáng sản là

Câu 20. Đặc điểm của các loại khoáng sản nước ta là

Câu 21. Nước ta có nguồn khoáng sản phong phú vì

Câu 22. Nguồn khoáng sản vô tận giữ vai trò quan trọng ở vùng biển nước ta là

MÔN LỊCH SỬ

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

Bài 1, 2, 3, 4, 5

II. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Lập bảng hệ thống về nguyên nhân, giai cấp lãnh đạo, kết quả, ý nghĩa, tính chất và đặc điểm chính của các cuộc cách mạng tư sản đã học. (*cách mạng tư sản Anh, chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ, cách mạng tư sản Pháp*)

Câu 2. Có ý kiến cho rằng: Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII là một cuộc đại cách mạng. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?

Câu 3. Trình bày những tác động của cách mạng công nghiệp công nghệ với sản xuất và xã hội?

Câu 4. Hãy trình bày những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của các nước Đông Nam Á dưới ách đô hộ của thực dân phương Tây.

Câu 5. Hãy giải thích nguyên nhân và nêu hệ quả của xung đột Trịnh – Nguyễn?

III. NỘI DUNG ÔN TẬP CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Bài 1, 2, 3, 4, 5

Một số câu hỏi gợi ý:

1. Nguyên nhân sâu xa dẫn tới sự bùng nổ cách mạng tư sản Anh là gì?
2. Nguyên nhân sâu xa dẫn tới chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ?
3. Kết quả của cách mạng tư sản Pháp là?
4. Nguyên nhân trực tiếp dẫn tới chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ?
5. Kết quả của chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ là?
6. Cách mạng công nghiệp diễn ra đầu tiên ở quốc gia nào, trong ngành nào?
7. Cách mạng công nghiệp ở Anh phát triển nhất thế giới giữa thế kỉ XVIII và mệnh danh là gì?
8. Cuối thế kỉ XIX, Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia là thuộc địa của...?
9. Đến cuối thế kỉ XIX, nước nào là quốc gia duy nhất ở Đông Nam Á giữ được độc lập?
10. Dưới ách thống trị của thực dân phương Tây, kinh tế các nước Đông Nam Á có gì nổi bật?
11. Các nước thực dân phương Tây đã thực hiện chính sách gì về chính trị ở một số nước Đông Nam Á?
12. Dưới ách thống trị của thực dân phương Tây, kinh tế các nước Đông Nam Á có gì nổi bật?
13. Võ quan trong triều nhà Lê dần thu tóm quyền hành đó là:
14. Nguyên nhân bùng nổ cuộc xung đột Nam – Bắc triều?
15. Hệ quả lớn nhất của chiến tranh Nam – Bắc triều?

Câu hỏi minh họa: Chọn đáp án đúng nhất cho các câu hỏi sau:

Câu 1. Kết quả của chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ là gì?

- A. Lật đổ ách thống trị của thực dân Tây Ban Nha
- B. Lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp
- C. Thành lập Hợp chúng quốc Nga.
- D. Thành lập Hợp chúng quốc Mỹ.

Câu 2. Cách mạng công nghiệp ở Anh phát triển nhất thế giới giữa thế kỉ XVIII và mệnh danh là gì?

- A. Công xưởng của phương Nam
- B. Công xưởng của thế giới
- C. Công xưởng của tư bản
- D. Công xưởng của phương Tây.

IV. HÌNH THỨC KIỂM TRA

1. Thi trực tiếp

- + Trắc nghiệm: 50%
- + Tự luận: 50 %

MÔN TIN HỌC

A. NỘI DUNG :

Bài 1: Lược sử công cụ tính toán

Bài 2: Thông tin trong môi trường số

Bài 4: Đạo đức và văn hóa trong sử dụng công nghệ kỹ thuật số

Bài 5 : Sử dụng bảng tính giải quyết bài toán thực tế

B. BÀI TẬP :

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM

Em hãy khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất

Câu 1. Máy tính được Babbage thiết kế để làm gì?

- A. Thực hiện phép cộng
- B. Thực hiện phép trừ
- C. Thực hiện bốn phép tính số học
- D. Tính toán boai bốn phép tính số học.

Câu 2. Thành phần điện tử chính trong máy tính thế hệ thứ nhất là loại linh kiện điện tử nào?

- A. Đèn điện tử chân không
- B. Bóng bán dẫn
- C. Mạch tích hợp
- D. Mạch tích hợp cỡ rất lớn.

Câu 3. Thành phần điện tử chính trong máy tính thế hệ thứ hai là loại linh kiện điện tử nào?

- A. Đèn điện tử chân không
- B. Bóng bán dẫn
- C. Mạch tích hợp
- D. Mạch tích hợp cỡ rất lớn,

Câu 4. Thành phần điện tử chính trong máy tính thế hệ thứ ba là loại linh kiện điện tử nào?

- A. Bóng bán dẫn
- B. Đèn điện tử chân không
- C. Mạch tích hợp
- D. Bộ vi xử lí

Câu 5. Thế hệ máy tính nào bắt đầu sử dụng bàn phím và màn hình?

- A. Thế hệ đầu tiên
- B. Thế hệ thứ hai
- C. Thế hệ thứ ba
- D. Thế hệ thứ tư.

Câu 6. Em hãy chọn phương án ghép đúng:

Thông tin số được nhiều tổ chức và cá nhân lưu trữ với dung lượng rất lớn,

- A. được truy cập tự do và có độ tin cậy khác nhau.
- B. được bảo hộ quyền tác giả và không đáng tin cậy.
- C. được bảo hộ quyền tác giả và có độ tin cậy khác nhau.
- D. được bảo hộ quyền tác giả và rất đáng tin cậy.

Câu 7. Chọn đáp án sai. Việc xác định thông tin đáng tin cậy và biết khai thác các nguồn thông tin đáng tin cậy rất quan trọng vì:

- A. Thông tin đáng tin cậy giúp em đưa ra những quyết định đúng đắn.
- B. Thông tin đồn thổi dễ dẫn đến kết luận đúng đắn.
- C. Thông tin thiếu kiểm chứng dẫn em đến quyết định sai lầm.
- D. Thông tin không trung thực, mang tính chất lừa dối

Câu 8. Ví dụ phát biểu: "Tôi tin rằng việc đó đã xảy ra". Em chọn gợi ý nào sau đây để giúp em xác định được thông tin đáng tin cậy hay không?

- A. Xác định nguồn thông tin.
- B. Phân biệt ý kiến và sự kiện.
- C. Kiểm tra chứng cứ của kết luận.
- D. Đánh giá tính thời sự của thông tin.

Câu 9. Để tìm hiểu về cách sử dụng một chiếc máy ảnh mới, nguồn thông tin nào sau đây cần được tham khảo nhất?

- A. Hướng dẫn của một người đã từng chụp ảnh.
- B. Hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất.
- C. Hướng dẫn sử dụng của một người giỏi Tin học.
- D. Câu trả lời trên một số diễn đàn về chụp ảnh.

Câu 10. Để tìm hiểu về một đội bóng đá ở Châu Phi, nguồn thông tin nào sau đây đáng tin cậy nhất?

- A. Nguồn tin từ câu lạc bộ người hâm mộ đội bóng đó.
- B. Nguồn tin từ câu lạc bộ của đội bóng đối thủ.
- C. Nguồn tin từ Liên đoàn bóng đá Châu Phi.
- D. Nguồn tin từ diễn đàn Bóng đá Việt Nam.

Câu 11. Em hãy chọn phương án ghép đúng:

Thông tin số được nhiều tổ chức và cá nhân lưu trữ với dung lượng rất lớn.

- A. được truy cập tự do và có độ tin cậy khác nhau.
- B. được bảo hộ quyền tác giả và không đáng tin cậy.
- C. được bảo hộ quyền tác giả và có độ tin cậy khác nhau.
- D. được bảo hộ quyền tác giả và rất đáng tin cậy.

Câu 12. Ví dụ phát biểu: “Tôi nghĩ đây là bộ phim hoạt hình hay nhất mọi thời đại”. Em chọn gợi ý nào sau đây để giúp em xác định được thông tin đáng tin cậy hay không?

- A. Xác định nguồn thông tin. B. Đánh giá tính thời sự của thông tin.
C. Kiểm tra chứng cứ của kết luận. D. Phân biệt ý kiến và sự kiện.

Câu 13. Mức độ tin cậy của thông tin, phù hợp với các tiêu chí đánh giá như mục đích, chứng cứ, thời gian và:

- A. Nguồn gốc. B. Giá tiền C. Độ lan toả. D. Số lượt xem

Câu 14. Em hãy điền vào ý còn thiếu ở dấu ba chấm. Khi thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm thông tin để tạo 1 bài trình chiếu em tiến hành: Hình thành ý tưởng và cấu trúc bài trình chiếu, tìm kiếm và đánh giá thông tin, ...

- A. Xử lý B. Trao đổi thông tin
C. Xử lý và trao đổi thông tin D. Tìm kiếm và trao đổi thông tin.

Câu 15. Hành động nào sau đây không vi phạm đạo đức và pháp luật?

- A. Đăng tải thông tin sai sự thật lên mạng.
B. Cố ý nghe, ghi âm trái phép các cuộc trò chuyện.
C. Tải một bài trình chiếu của người khác từ internet và sử dụng như là của mình tạo ra.
D. Tặng đĩa nhạc có bản quyền em đã mua cho người khác.

Câu 16. Hành động nào dưới đây là không vi phạm đạo đức, pháp luật và văn hoá khi sử dụng công nghệ kĩ thuật số.

- A. Chia sẻ thông tin mua bán động vật hoang dã quý hiếm.
B. Quay và lan truyền video bạo lực học đường.
C. Sáng tác một bài thơ về lớp và gửi bạn bè cùng đọc.
D. Tham gia cá cược bóng đá qua internet.

Câu 17: Máy tính trong dự án của Babbage có những đặc điểm gì?

- A. Máy tính cơ học, thực hiện tự động.
B. Máy tính có những ứng dụng ngoài tính toán thuần túy.
C. Có thiết kế giống với máy tính ngày nay.
D. Cả ba đặc điểm trên.

Câu 18: Bộ vi xử lí là linh kiện máy tính dựa trên công nghệ nào?

- A. Đèn điện tử chân không.
B. Linh kiện bán dẫn đơn giản.
C. Mạch tích hợp hàng chục, hàng trăm linh kiện bán dẫn.
D. Mạch tích hợp cỡ lớn, gồm hàng chục nghìn đến hàng triệu linh kiện bán dẫn.

Câu 19: Điền vào chỗ (...)

Ý tưởng cơ giới hóa việc tính toán đóng vai trò quan trọng trong lịch sử phát triển của Năm 1642, nhà bác học Blaise Pascal đã sáng chế ra Pascaline.

- A. chiếc máy tính cơ khí / máy tính B. bàn phím / tính toán
C. máy tính / chiếc bàn tính hiển thị số D. máy tính / chiếc máy tính cơ học

Câu 20: Trong lịch sử máy tính điện tử, có bao nhiêu thế hệ máy tính?

- A. 1 B. 3 C. 5 D. 7

Câu 5: Sự phát triển của máy tính mang lại điều gì?

- A. hình thành, phát triển xã hội thông tin
B. nông nghiệp, công nghiệp thông minh
C. Cách mạng công nghiệp 4.0 và kinh tế tri thức
D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 21: Phát biểu nào sau đây là chính xác nhất khi nói về lĩnh vực Tin học?

- A. Tin học là môn học nghiên cứu và phát triển máy tính điện tử.
B. Tin học có ứng dụng trong mọi lĩnh vực hoạt động của con người.
C. Tin học có mục tiêu là phát triển máy tính điện tử.

D. Tin học là môn học sử dụng máy tính điện tử.

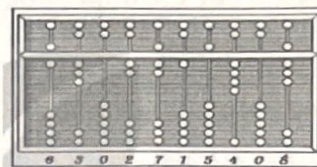
Câu 22: Đây là hình ảnh của?

A. Bàn phím hiển thị số 6 302 715 408

B. Máy tính cơ khí

C. Máy tính điện tử

D. Đáp án khác.



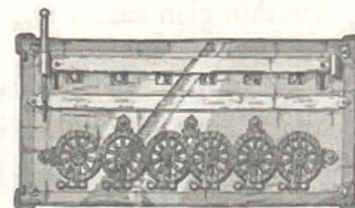
Câu 23 : Đây là hình ảnh của?

A. chiếc máy tính cơ khí

B. bàn phím số

C. máy tính điện - cơ

D. Đáp án khác



Câu 24: Thế hệ thứ nhất trong lịch sử phát triển máy tính diễn ra vào năm nào?

A. 1965 – 1974.

B. 1990 – nay.

C. 1945 – 1955.

D. 1955 – 1965.

Câu 25 : Lựa chọn phương án sai.

Máy tính ngày càng trở nên gọn nhẹ hơn, nhanh hơn, thông minh hơn bởi vì:

A. Các linh kiện chế tạo máy tính ngày càng nhỏ hơn, nhẹ hơn, tốc độ xử lý nhanh hơn nhờ vào sự tiến bộ của công nghệ (điện tử, bán dẫn, mạch tích hợp, vi xử lý VLSI, vi xử lý ULSI).

B. Trí tuệ nhân tạo đã trở thành hiện thực nhờ vào sự phát triển của công nghệ phần cứng.

C. Máy tính được chế tạo bằng các vật liệu có giá thành cao hơn.

Câu 26: Phát biểu nào sau đây là sai?

A. Máy tính điện tử ra đời vào những năm 1950.

B. Năm thế hệ máy tính gắn liền với các tiến độ công nghệ: đèn điện tử chân không, bóng bán dẫn, mạch tích hợp, vi xử lý mật độ tích hợp rất cao, vi xử lý mật độ tích hợp siêu cao.

C. Càng về sau, các máy tính càng nhỏ, nhẹ, tiêu thụ ít điện năng, tốc độ, độ tin cậy cao hơn, dung lượng bộ nhớ lớn hơn, thông minh hơn và giá thành hợp lý hơn.

Câu 27: Thế hệ thứ năm trong lịch sử phát triển máy tính diễn ra vào năm nào?

A. 1965 – 1974.

B. 1990 – nay.

C. 1974 – 1989.

D. 1955 – 1965.

Câu 28: Thông tin kỹ thuật số là

A. Nguồn thông tin số khổng lồ, phổ dụng nhất hiện nay.

B. Thông tin được thông qua các thiết bị, phương tiện công nghệ kỹ thuật số.

C. Thông tin được thu thập, lưu trữ, xử lý, truyền, trao đổi.

D. Thông tin được thu thập, lưu trữ, xử lý, truyền, trao đổi thông qua các thiết bị, phương tiện công nghệ kỹ thuật số.

Câu 29: Internet là

A. Nguồn thông tin số khổng lồ, phổ dụng nhất hiện nay.

B. Thông tin được thông qua các thiết bị, phương tiện công nghệ kỹ thuật số.

C. Thông tin được thu thập, lưu trữ, xử lý, truyền, trao đổi.

D. Thông tin được thu thập, lưu trữ, xử lý, truyền, trao đổi thông qua các thiết bị, phương tiện công nghệ kỹ thuật số.

Câu 30: Thông tin số có những đặc điểm chính là?

A. Thông tin số dễ dàng được nhân bản và lan truyền nhưng khó bị xóa bỏ hoàn toàn.

B. Thông tin số có thể được truy cập từ xa nếu người quản lý thông tin đó cho phép.

C. Cả A và B.

D. Đáp án khác.

Câu 31: Em hãy chọn phương án ghép đúng.

Thông tin số được nhiều tổ chức và cá nhân lưu trữ với dung lượng rất lớn,.....

A. được truy cập tự do và có độ tin cậy khác nhau.

B. được bảo hộ quyền tác giả và không đáng tin cậy.

C. được bảo hộ quyền tác giả và có độ tin cậy khác nhau.

D. được bảo hộ quyền tác giả và rất đáng tin cậy.

Câu 32: Dưới đây là mô tả của yếu tố nào?

Người cung cấp thông tin, có uy tín, trách nhiệm, kinh nghiệm, trình độ chuyên môn sâu về lĩnh vực của bài viết.

- A. tính bản quyền. B. tác giả. C. độ tin cậy. D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 33: Đặc điểm nào sau đây **không** thuộc về thông tin số?

- A. Nhiều người có thể truy cập đồng thời.
B. Chỉ cho phép một người sử dụng tại một thời điểm.
C. Có công cụ hỗ trợ tìm kiếm, xử lý, chuyển đổi hiệu quả.
D. Có thể truy cập từ xa.

Câu 34: Một số yếu tố nhận biết độ tin cậy của thông tin gồm

- A. tác giả, nguồn thông tin. B. mục đích, tính cập nhật của bài viết.
C. trích dẫn nguồn thông tin trong bài viết. D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 35: Thông tin đáng tin cậy giúp em điều gì?

- A. Đưa ra kết luận đúng. B. Quyết định hành động đúng.
C. Giải quyết được các vấn đề được đặt ra. D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 36: Thông tin không đáng tin cậy có thể là?

Máy tính ngày càng trở nên gọn nhẹ hơn, nhanh hơn, thông minh hơn bởi vì:

- A. Thông tin không trung thực, mang tính chất lừa dối.
B. Thông tin đồn thổi, dẫn em đến kết luận thiếu căn cứ.
C. Thông tin thiếu kiểm chứng dẫn em đến quyết định sai lầm.
D. Cả 3 đáp án trên.

Câu 37: Xác định nguồn thông tin là?

- A. Thẩm quyền và uy tín của tổ chức hay cá nhân cung cấp thông tin ảnh hưởng đến giá trị và độ tin cậy của thông tin.
B. Những kết luận không có chứng cứ, cũng giống như những ý kiến mang tính chất cá nhân nên có độ tin cậy rất thấp.
C. Cả A và B.

Câu 38: Để tìm kiếm thông tin về lớp vỏ Trái Đất, em sử dụng từ khóa nào sau đây để thu hẹp phạm vi tìm kiếm?

- A. Trái Đất. B. Lớp vỏ Trái Đất. C. "lớp vỏ Trái Đất". D. "lớp vỏ" + "Trái Đất".

Câu 39: Dữ liệu được máy tính lưu trữ dưới dạng

- A. thông tin. B. dãy bit. C. số thập phân. D. các kí tự.

Câu 40: Dữ liệu trong máy tính được mã hoá thành dãy bit vì

- A. dãy bit đáng tin cậy hơn. B. dãy bit được xử lý dễ dàng hơn.
C. dãy bit chiếm ít dung lượng nhớ hơn. D. máy tính chỉ làm việc với hai kí hiệu 0 và 1.

Câu 41: Khả năng lưu trữ của một thiết bị nhớ được gọi là

- A. dung lượng nhớ. B. khối lượng nhớ. C. thể tích nhớ. D. năng lực nhớ.

Câu 42: Những hành vi nào nên làm khi sử dụng công nghệ kĩ thuật số?

- A. Trong lớp học trực tuyến, một số học sinh tạo nhóm Zalo để trao đổi đáp án khi làm bài kiểm tra.
B. Chuyển sang chế độ im lặng hoặc tắt điện thoại khi đang ở trong lớp học, buổi học, ...
C. Cả A và B.

Câu 43: Em đồng ý, không đồng ý hay đồng ý một phần với ý kiến sau.

Chúng ta có thể sử dụng điện thoại di động khi đang lái xe miễn là không gây tai nạn giao thông.

- A. Đồng ý. B. Không đồng ý. C. Đồng ý một phần.

PHẦN II. TỰ LUẬN:

Câu 1. Em hãy trình bày sơ lược lịch sử phát triển máy tính. Theo em, điều gì giúp máy tính trở nên gọn nhẹ hơn, nhanh hơn, thông minh hơn?

Trả lời :

Sự phát triển của công nghệ đèn điện tử chân không (vacuum tube) đã mở ra kỉ nguyên của máy tính điện tử. Máy tính điện tử ra đời vào những năm 1940.

- Thế hệ thứ nhất: phát triển từ khoảng 1945 đến năm 1955. Năm 1945, ENIAC - máy tính điện tử ra đời.
- Thế hệ thứ hai: phát triển từ khoảng 1955 đến năm 1965. Năm 1959, IBM 1620 là máy tính sử dụng bán dẫn được sản xuất và đưa ra thị trường; năm 1965, Minsk 22 được sản xuất.
- Thế hệ thứ ba: phát triển từ khoảng 1965 đến năm 1974. Năm 1970 IBM 370 ra mắt.
- Thế hệ thứ tư: phát triển từ khoảng 1974 đến năm 1989. Năm 1975 Altair 8800 được cho ra mắt.
- Thế hệ thứ năm: phát triển từ khoảng 1990 đến nay. Các siêu máy tính, máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại thông minh, ... ra đời.

Càng về sau, các máy tính càng nhỏ, nhẹ, tiêu thụ ít điện năng, tốc độ, độ tin cậy cao hơn, dung lượng bộ nhớ lớn hơn, thông minh hơn và giá thành hợp lý hơn nhờ ứng dụng những tiến bộ công nghệ: đèn điện tử chân không, bóng bán dẫn, mạch tích hợp, vi xử lý, vi xử lý mật độ tích hợp siêu cao.

Câu 2. Em hãy kể một ví dụ về tin đồn (trong cuộc sống hoặc trên mạng) và cho biết:

a) Tin đồn đó xuất hiện từ sự việc nào?

b) Tác hại của tin đồn đó là gì?

Trả lời: Tin đồn: Cách nhanh nhất để tự nhận biết mình KHÔNG mắc Covid-19 là nín thở trong 10 giây trở nên mà không ho hay cảm thấy khó chịu.

a) Tin đồn xuất hiện vào năm 2020 khi dịch Covid-19 bùng nổ.

b) Tác hại: Khiến nhiều người tin là thật và làm theo. Cách tốt nhất để xác định xem có nhiễm Covid-19 hay không là xét nghiệm. Nếu làm theo tin đồn thì sợ lây nhiễm cộng đồng sẽ xảy ra tràn lan.

Câu 3. Em hãy nêu các bước để tìm kiếm “*Đấu trường Toán học*” với kết quả tìm kiếm được hiển thị ít nhất

Trả lời: Để tìm kiếm “*Đấu trường Toán học*” với kết quả tìm kiếm được hiển thị ít nhất ta thực hiện qua 2 bước sau:

B1. Truy cập vào trang chủ của máy chủ tìm kiếm (Chẳng hạn: google.com.vn);

B2. Trên khung tìm kiếm, gõ: “*Đấu trường Toán học*” và bấm Enter để tìm kiếm.

Câu 4. Nêu một vài hành động chưa đúng của em khi sử dụng công nghệ kĩ thuật số mà em đã mắc phải. Nêu cách em sẽ phòng tránh hoặc từ bỏ vi phạm.

Trả lời: Một vài hành động chưa đúng của em khi sử dụng công nghệ kĩ thuật số em đã mắc phải là: Quay phim, chụp hình trong rạp chiếu phim. Tải về máy tính cá nhân các tệp bài hát, video có bản quyền để sử dụng mà chưa được phép. Sao chép thông tin từ trang web và coi như đó là của mình.

Câu 5. Hãy chỉ ra những hành vi vi phạm khi sử dụng công nghệ kĩ thuật số trong các tình huống dưới đây và xử lý tình huống.

a. Minh mua vé vào rạp chiếu phim để xem phim. Minh dùng điện thoại di động để phát trực tiếp (livestream) bộ phim cho bạn bè và người thân xem cùng. Nếu là bạn đi xem cùng phim với Minh hôm đó, em sẽ làm gì?

b. Lan mua cuốn sách các bài văn hay trong tiệm sách. Lan dùng điện thoại di động chụp một bài văn trong cuốn sách và gửi cho Nam. Nam sử dụng phần mềm word để gõ lại bài văn này và nộp cho cô giáo để chấm điểm. Nếu là bạn của Lan và Nam, em sẽ khuyên các bạn như thế nào?

Trả lời :

a. - Hành vi quay phim trong rạp chiếu phim là hành vi vi phạm bản quyền.

- Xử lý: Nhắc nhở, yêu cầu Minh dừng việc livestream lại vì bạn đã vi phạm quy định của rạp chiếu, nếu bị phát hiện sẽ bị xử phạt.

b. - Hành động vi phạm là:

+ Lan chụp ảnh bài văn và gửi cho bạn.

+ Nam sao chép bài văn thành của mình để nộp cho cô giáo chấm điểm.

- Xử lý: Khuyên nhủ, phân tích cho các bạn làm như vậy là vi phạm bản quyền và vi phạm đạo đức.

Câu 6: Nêu sơ đồ cấu trúc máy tính

Câu 7: Nêu thành phần điện tử chính, bộ nhớ chính, kích thước, thiết bị vào ra, ví dụ từng thể hệ máy tính điện tử

Câu 8: Em hãy cho biết vào thời điểm đất nước ta hoàn toàn thống nhất năm 1975, những thể hệ máy tính điện tử nào đã xuất hiện ở nước ta

Câu 9: Thông tin số là gì? Thông tin số có những đặc điểm gì?

Câu 10: Em hãy nêu thông tin số trong xã hội có đặc điểm gì?

Câu 11: Thông tin đáng tin cậy có tác dụng gì? Nếu một số cách xác định thông tin có đáng tin cậy hay không?

Câu 12: Theo em thế nào là thông tin không đáng tin cậy?

Câu 13: Thông tin số là gì? Thông tin số có những đặc điểm gì?

Câu 14: Em hãy nêu thông tin số trong xã hội có đặc điểm gì?

Câu 15: Thông tin đáng tin cậy có tác dụng gì? Nếu một số cách xác định thông tin có đáng tin cậy hay không?

Câu 16: Theo em thế nào là thông tin không đáng tin cậy?

MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

I. NỘI DUNG:

1. Trắc nghiệm: Nội dung các bài 1,2,3

2. Tự luận:

Bài 1: Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam

Bài 2: Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc

Bài 3: Lao động cần cù, sáng tạo

II. MỘT SỐ DẠNG CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

Câu 1. Trình bày khái niệm và biểu hiện của cần cù, sáng tạo trong lao động?

Câu 2. Nêu biểu hiện của lòng tự hào về truyền thống của dân tộc Việt Nam?

Theo em, truyền thống của dân tộc Việt Nam có giá trị như thế nào đối với cá nhân, gia đình, qua hương, đất nước?

Câu 3. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Lao động là nghĩa vụ thiêng liêng, là nguồn sống, nguồn hạnh phúc của chúng ta. Trong xã hội ta, không có nghề nào là thấp kém, chỉ những kẻ lười biếng, ỷ lại mới đáng xấu hổ. Người nấu bếp, người quét rác cũng như thầy giáo, kĩ sư,... nếu làm tròn trách nhiệm thì vẻ vang như nhau”.

Là công dân - học sinh, em có trách nhiệm gì trong việc rèn luyện sự cần cù, sáng tạo trong học tập, lao động?

Câu 4. Bạn A thành lập nhóm để tham gia cuộc thi “Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam” do nhà trường tổ chức vào dịp 22/12. Trong buổi họp nhóm, A đưa ra kế hoạch dự thi với nội dung tìm hiểu biểu hiện về truyền thống kiên cường chống giặc ngoại xâm thời phong kiến, G lên tiếng phản đối vì cho rằng trong thời đại 4.0 hiện nay, không nên khơi gợi lại những truyền thống đã xưa cũ, nên tìm một truyền thống nào hợp thời hơn, một số bạn trong nhóm đã đồng tình với G.

Nếu là A, em sẽ thuyết phục G và các bạn trong nhóm như thế nào?

Câu 5. Trong giờ làm bài tập nhóm, bạn A nói nhỏ với bạn B: “Nhóm mình có bạn T học giỏi nên chúng mình không cần suy nghĩ hay làm gì đâu, vì bạn T làm hết rồi”.

a. Theo em, lời nói của bạn A như vậy có đúng không? Vì sao?

b. Nếu em là bạn của B chứng kiến câu chuyện, em sẽ nói gì với A?

Câu 6: Kể tên 5 truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam và viết ra những việc em đã làm tốt, những việc em làm chưa tốt (hoặc chưa làm được) khi giữ gìn và phát huy truyền thống của dân tộc. Đề xuất cách khắc phục những việc chưa làm tốt.

MÔN MỸ THUẬT

Tuần 9: Nét đẹp trong tranh lụa của HS Nguyễn Phan Chánh

MÔN ÂM NHẠC

I. Ôn tập bài hát:

- Bài hát : *Khúc Ca Bốn Mùa*
- Bài hát: *Bản Làng Em Tươi Đẹp*

II. Ôn tập: tập đọc nhạc.

- TĐN số 1.2.

MÔN THỂ DỤC

Nhảy cao

- Ôn kỹ thuật nhảy cao kiểu bước qua

MÔN NGŨ VĂN

A. VĂN BẢN

- Các văn bản thuộc thể loại: truyện lịch sử, thơ Đường luật

B. TIẾNG VIỆT

- Biệt ngữ xã hội – từ ngữ địa phương
- Từ tượng hình, từ tượng thanh
- Đảo ngữ

C. TẬP LÀM VĂN

- Viết bài văn kể một chuyến đi (tham quan di tích lịch sử...)
- Viết bài phân tích một tác phẩm văn học (thơ Đường luật)

D. MỘT SỐ DẠNG BÀI

- Xác định đề tài, chi tiết tiêu biểu, ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện;
- Đặc điểm thi liệu trong thơ Đường luật
- Chỉ ra và phân tích tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện và / hoặc lời của các nhân vật khác.
- Xác định và phân tích giá trị biểu đạt của niêm, luật, đối, vần, nhịp, bút pháp tả cảnh ngụ tình, các biện pháp tu từ... trong bài thơ Đường luật
- Xác định từ ngữ địa phương, biệt ngữ xã hội trong văn bản; đặc điểm và mục đích sử dụng của từ ngữ địa phương và biệt ngữ xã hội
- Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ
- Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học
- Viết bài văn kể một chuyến đi (tham quan di tích lịch sử...)

E. CẤU TRÚC ĐỀ

- Trắc nghiệm: 8 câu (0.25đ/ câu): 2 điểm
- Tự luận (8 điểm)
- + Câu hỏi cảm thụ: 4 điểm
- + Bài tập làm văn: 4 điểm

MÔN TIẾNG ANH

A. VOCABULARY AND GRAMMAR:

- Verbs of liking/ disliking+ gerunds.
- Verbs of liking/ disliking+ to infinitives
- Comparative form of adverbs

- Simple sentences and compound sentences and
- Pronunciation of words related to the topics
- Vocabulary: Units 1, 2, 3

B. PRACTICE:

PHONETICS

I. Choose the word that has underlined part pronounced differently from the rest

- | | | | |
|---------------------------|---------------------|-------------------------|--------------------------|
| 1. A. <u>e</u> nsure | B. le <u>i</u> sure | C. se <u>s</u> ion | D. pre <u>s</u> sure |
| 2. A. <u>n</u> oisy | B. a <u>v</u> oid | C. ann <u>o</u> y | D. n <u>o</u> tification |
| 3. A. <u>m</u> ove | B. <u>o</u> rchard | C. tran <u>s</u> port | D. re <u>s</u> ort |
| 4. A. creat <u>i</u> ty | B. vis <u>i</u> tor | C. pict <u>u</u> resque | D. <u>l</u> ittle |
| 5. A. hosp <u>i</u> table | B. buff <u>a</u> lo | C. vill <u>a</u> ge | D. enjoy <u>a</u> ble |

II. Choose the word that has the different stress from the others.

- | | | | |
|-----------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------|
| 1. A. creat <u>i</u> ty | B. gen <u>e</u> rous | C. col <u>o</u> urful | D. coun <u>tr</u> yside |
| 2. A. har <u>v</u> est | B. loc <u>a</u> l | C. coll <u>e</u> ct | D. vill <u>a</u> ge |
| 3. A. pict <u>u</u> resque | B. buff <u>a</u> lo | C. hosp <u>i</u> table | D. brace <u>l</u> et |
| 4. A. satisf <u>i</u> ed | B. soc <u>i</u> alize | C. volun <u>t</u> eer | D. exerc <u>i</u> se |
| 5. A. ex <u>e</u> pectation | B. techn <u>o</u> logy | C. commu <u>n</u> ity | D. activ <u>i</u> ty |

III. Multiple choice

1. Some addicts are teenagers who arecomputer games.
A. on B. in C. at D. into
2. I amin visiting my grandparents on the weekend
A. fond B. hooked C. interested D. bored
3. We all with the stresses and strains of daily life.
A. finish B. pressure C. adore D. discuss
4. On the side of the road, a herd boy was herding
A. kites B. hay C. cattle D. poultry
5. I'd hatethe exams, so I'm doing my best.
A. failing B. to fail C. fail D. failed
6. Can you speak English ? My English is not good.
A. more slowly B. slower C. quickly D. more quickly
7. People in the countryside live than those in the city.
A. happier B. more happily C. happily D. less happy
8. Daisy is.....social media. She spends lots of time on Facebook and Instagram.
A. tired of B. bored with C. crazy about D. curious about
9. The area around the village is famous for its landscape.
A. dull B. boring C. picturesque D. noisy
10. She is bored with the silent surrounding ,she used to live in a big city.
A. for B. and C. so D. but
11. Can you tell me more about teenagers ? "....."
A. That's all right B. That sounds so weird
C. Certainly D. Sure. It's very entertaining
12. What a fashionable dress you have !
A. I'm glad you like it B. I'd love to, thanks C. That's right, thanks D. Wow
13. Parents now have higher expectations of their children; , children are under more pressure than before
A. therefore B. otherwise C. however D. because
14. Minh is a very hard-working boy. He doesn't mind a lot of homework in the evenings.
A. making B. reading C. working D. doing
15. My grandparents love very much. There are a lot of beautiful flowers and fresh vegetables in their garden.
A. doing garden B. doing gardening
C. do gardening D. to do garden

IV. Choose the underlined part A, B, C or D that needs correcting.

1. Having leisure activities are truly important to the elderly.
A B C D
2. Cloud watching sounds weird, but Hang enjoys do it.
A B C D
3. The villagers often live optimistically than the people in big cities.
A B C D
4. Today Peter gets up more early than he did yesterday because he doesn't go to school.
A B C D
5. Students mustn't cheat on exams, or it is a wrong thing to do.

READING

III. Choose the word or the phrase among A, B, C or D that best fits the blank space in the following passage.

The country and the city have advantages and (1)_____. People in the country live in more beautiful surroundings. They enjoy (2)_____ and quietness, and can do their work at their (3)_____ pace (tốc độ) because no one is in a (4)_____. They live in larger, more comfortable houses, and their neighbors are more friendly, and ready to help them (5)_____ they need it. Their life, however, can be (6)_____ and they may be isolated, which is a serious problem (7)_____ they are ill or want to take children to school.

The city has all the services that the country lacks, but it (8)_____ has a lot of disadvantages. Cities are often polluted. They not (9)_____ have polluted air but also have noisy streets. Everyone is always in a hurry and this (10)_____ that people have no time to get to know each other and make friends.

- | | | | |
|--------------|--------------|--------------|------------------|
| 1. A. joy | B. enjoyment | C. happiness | D. disadvantages |
| 2. A. quiet | B. quietly | C. peace | D. peaceful |
| 3. A. less | B. own | C. just | D. only |
| 4. A. hurry | B. hurried | C. hurriedly | D. hurrying |
| 5. A. When | B. which | C. what | D. that |
| 6. A. bore | B. bored | C. boring | D. bores |
| 7. A. unless | B. because | C. although | D. if |
| 8. A. also | B. yet | C. already | D. so |
| 9. A. never | B. ever | C. hardly | D. only |
| 10. A. aims | B. means | C. asks | D. said |

II. Read the text carefully. Then do the tasks.

The latest addiction to trap thousands of people is the Internet, which has been blamed for broken relationships, job losses, financial ruin, and even suicide. Psychologists now recognize Internet Addiction Syndrome (IAS) as a new illness that could cause serious problems and ruin many lives.

IAS is similar to other problems like gambling, smoking and drinking: addicts have dreams about the Internet; they need to use it first thing in the morning; they lie to their parents and partners about how much time they spent online; they wish they could cut down, but are unable to do so. A recent study found that many users spend up to 40 hours a week on the Internet. Some of the addicts are teenagers who are already hooked on computer games and who find it very difficult to resist the games on the Internet.

1. What is the best title of the passage?
a. The advantage of the Internet
b. Hooked on the Net
c. Impact of Internet on teens
d. A guide to the Internet
2. According to the writer, internet addiction _____.
a. is not the same as gambling
b. is not an illness
c. can lead to financial problems
d. helps people kill time
3. Internet addicts find it hard _____.
a. to use the Internet in the morning
b. to lie about the time they spent online
c. to spend more time on the Internet
d. to spend less time on the Internet
4. The word 'it' in paragraph 2 refers to _____.
a. the Internet
b. IAS
c. dream
d. computer

5. Which of the followings is NOT true?
- a. IAS is recognised as a new illness.
 - b. Internet addiction can cause suicide behaviours.
 - c. Many internet addicts spend more than 40 hours a week online.
 - d. Teenagers who are hooked on computer games can suffer from IAS

WRITING

I. Write the correct form of the word in brackets.

1. More and more _____ are leaving the countryside to city. (farm)
2. Mary likes the _____ atmosphere during her stay in the valley. (peace)
3. She was _____ with her job and decided to look for a new one. (satisfy)
4. Face to face _____ is better than video calls, (communicate)
5. It is a/ an _____ place to hold a picnic because it is too far from the road. (convenience)

II. Do as directed

1. I think life in the countryside is quieter than life in the city. **(Rewrite)**
=> I think life in the city.....
2. When/ I/ be/ a child/ I/ enjoy/ play/ computer games. **(completion)**
=>
3. Does she / fancy / eat/ out / her friends? **(completion)**
=>
4. with /sometimes / the buffaloes / Nguyen /goes herding / the boys. **(Arrange)**
=>
5. They/ speak/ fluently/ last/ than/ year/ English/ more. **(Arrange)**
=>
6. My mother/ than / gets up / us / to/ earlier / milk the cows **(Arrange)**
=>
7. I think a computer works at calculus faster than a human being. **((Rewrite))**
=> I think a human being
8. I want to go for a walk. It starts raining heavily (However)
=>
9. Vinh really loves to hang out with friends. (interested)
=>
10. A horse can run 80km/h while a dog can run 50km/h. (quickly)
=> A horse

MÔN TOÁN

A. LÝ THUYẾT

1. Đại số: Chương I: Đa thức nhiều biến.
2. Hình học: Chương IV. Hình học trực quan

B. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

1. ĐẠI SỐ

Câu 1. Trong các biểu thức sau, biểu thức nào không phải là đơn thức ?

- A. $\frac{1}{4}$ B. $2x+y$
C. $-3xy^2z^3$ D. x

Câu 2. Biểu thức nào không phải là đa thức trong các biểu thức sau?

- A. $x - 2 + \frac{3}{x}$ B. $xy - 2x^2$
C. $x^2 - 4$ D. $\frac{x^2 + 1}{2}$

Câu 3. Trong các đơn thức sau, đơn thức nào đồng dạng với đơn thức $-3x^2yz$?

- A. $-3xyz$ B. $\frac{2}{3}x^2yz$ C. $\frac{3}{2}yzx^2$ D. $4x^2y$

Câu 4. Trong các đẳng thức dưới đây, đâu là đẳng thức đúng.

- A. $(A+B)^2 = A^2 + 2AB + B^2$ C. $(A+B)^2 = A^2 + B^2$
 B. $(A+B)^2 = A^2 + AB + B^2$ D. $(A+B)^2 = A^2 - 2AB + B^2$

Câu 5. Đâu là đa thức thu gọn trong các đa thức sau?

- A. $-x^2y + 3y^2 + 5xy^2 - x^2y$ C. $2xy + x^2y - xy^2 + 4x^2$
 B. $2x + x^2 - \frac{3}{2} - 4x^2$ D. $15xy - x^3y + 2 - \frac{xy}{2}$

Câu 6. Điền đơn thức vào chỗ trống: $(3x+y)(\dots - 3xy + y^2) = 27x^3 + y^3$

- A. $9x$ B. $6x^2$ C. $9xy$ D. $9x^2$

Câu 7. Kết quả $x^2 - 1$ là :

- A. $(x-1)(x+1)$ B. $(x+1)(x+1)$ C. $x^2 + 2x + 1$ D. $x^2 + 2x - 1$

Câu 8. Kết quả $(x-7)^2$ là :

- A. $(7-x^2)^2$ B. $x^2 - 14x + 49$ C. $x^2 - 2x + 49$ D. $x^2 - 14x + 7$

Câu 9. Đa thức $12x - 9 - 4x^2$ được phân tích thành

- A. $(2x-3)(2x+3)$ B. $-(2x-3)^2$ C. $(3-2x)^2$ D. $-(2x+3)^2$

Câu 10. Phân tích đa thức $x^3 - 6x^2y + 12xy^2 - 8y^3$ được kết quả là

- A. $(x-y)^3$ B. $(2x-y)^3$ C. $x^3 - (2y)^3$ D. $(x-2y)^3$

Câu 11. Giá trị lớn nhất của biểu thức $A = 6 - 8x - x^2$ là

- A. 6 B. 22 C. 18 D. 16

Câu 12. Có bao nhiêu giá trị của a để đa thức $a^2x^3 + 3ax^2 - 6x - 2a$ chia hết cho đa thức $x + 1$

- A. 1 B. 2 C. 0 D. Vô số.

2. HÌNH HỌC

Câu 1: Hình chóp tam giác đều có mặt bên là hình gì?

- A. Hình chữ nhật B. Hình vuông C. Hình tam giác D. Tam giác cân

Câu 2: Hình chóp tam giác đều có bao nhiêu mặt?

- A. 3 B. 4 C. 5 D. 6

Câu 3: Hình chóp tứ giác đều có bao nhiêu cạnh?

- A. 5 B. 6 C. 7 D. 8

Câu 4: Hình chóp tứ giác đều có mặt đáy là hình gì?

- A. Tam giác đều B. Hình vuông C. Hình chữ nhật D. Hình thoi

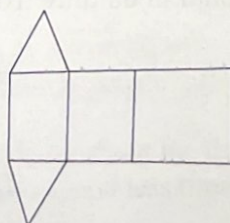
Câu 5: Trong các miếng bìa ở hình 1; hình 2; hình 3; hình 4; miếng bìa nào có thể gấp lại để được hình chóp tam giác đều?



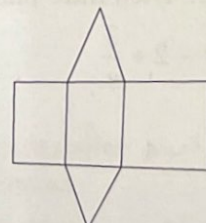
Hình 1



Hình 2



Hình 3



Hình 4

A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 4

Câu 6: Một giỏ hoa gổ mi ni có dạng hình chóp tam giác đều có độ dài cạnh đáy là 10 (cm) và độ dài trung đoạn bằng 20 (cm) . Tính diện tích xung quanh giỏ hoa gổ mi ni đó.

A. $300\text{ (cm}^2\text{)}$ B. $200\text{ (cm}^2\text{)}$ C. $250\text{ (cm}^2\text{)}$ D. $250\text{ (cm}^2\text{)}$

Câu 7: Tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần của hình chóp tứ giác đều với độ dài cạnh đáy là 5 (cm) , độ dài cạnh bên là 10 (cm) và độ dài trung đoạn của hình chóp tứ giác đều là $9,68\text{ (cm)}$.

A. $96,8\text{ (cm}^2\text{)}$ B. $968\text{ (cm}^2\text{)}$ C. $95,8\text{ (cm}^2\text{)}$ D. $98,8\text{ (cm}^2\text{)}$

C. CÁC DẠNG BÀI TẬP TỰ LUẬN

Dạng 1: Bài tập về các phép tính về đa thức nhiều biến

Bài 1: Rút gọn biểu thức

a) $(x+y)+(x-y)$

b) $(x+y)-(x-y)$

c) $(x^2y+x^3-xy^2+3)+(x^3+xy^2-xy-6)$

d) $(x^2-2xy+y^2-y^2)-(2xy+x^2+1)$

Bài 2: Rút gọn biểu thức

a) $3x(5x^2-2x-1)$

b) $(x^2-2xy+3)(-xy)$

c) $x^2y(2x^3-xy^2-1)$

d) $(5x-2y)(x^2-xy+1)$

e) $\left(\frac{1}{2}x-y\right)(2x-3y)$

f) $3x(12x-4y)-2x(4x-3y)+8x^3$

g) $(5x^4y^3-x^3y^2+2x^2y):(-x^2y)$

h) $[(2x^2y)^2+3x^4y^3-6x^3y^2]:(xy)^2$

Bài 3: Rút gọn rồi tính giá trị của biểu thức

a) $M=(x^2+3xy-3x^3)+(2y^3-xy+3x^3)-y^3$ tại $x=5$ và $y=4$.

b) $N=x^2(x+y)-y(x^2-y^2)$ tại $x=-6$; $y=8$.

c) $P=[(15x^5y^3-10x^3y^2+20x^4y^4)]:(5x^2y^2)$ tại $x=-1$; $y=2$.

Bài 4: Chứng minh giá trị của biểu thức không phụ thuộc vào giá trị của biến

a) $(x-5)(2x+3)-2x(x-3)+x+7$.

b) $(3-2x)(3+2x)+(2x-1)(2x+1)$

c) $(x-1)(x^2+x+1)+2(x-2)(x+2)-x^2(2+x)$

Bài 5: Cho a và b là hai số tự nhiên. Biết a chia cho 5 dư 1, b chia cho 5 dư 4. Chứng minh $ab+1$ chia hết cho 5.

Dạng 2: Bài tập về các hằng đẳng thức đáng nhớ

Bài 1: Viết các biểu thức sau dưới dạng bình phương của một tổng hay một hiệu:

a) $x^2+5x+\frac{25}{4}$

b) $16x^2-8x+1$

c) $4x^2+12xy+9y^2$

d) $(x+3)(x+4)(x+5)(x+6)+1$

Bài 2: Rút gọn biểu thức

a) $(2x+3)^2-2(2x+3)(2x+5)+(2x+5)^2$

b) $(x^2+x+1)(x^2-x+1)(x^2-1)$

Bài 3: Tìm giá trị nhỏ nhất của các biểu thức

a) $A = x^2 - 4x + 7$

b) $B = x^2 + 8x$

Bài 4: Tìm giá trị lớn nhất của các biểu thức

a) $M = 4x - x^2 + 3$

b) $N = -2x^2 + 8x - 15$

Dạng 3: Bài tập về vận dụng hằng đẳng thức vào phân tích đa thức thành nhân tử

Bài 1. Phân tích mỗi đa thức sau thành nhân tử:

a) $x^2 - 9$

b) $x^2 - 2xy + y^2$

c) $x^6 - y^6$

d) $8y^3 + 1$

Bài 2. Phân tích mỗi đa thức sau thành nhân tử:

a) $4x^2 - 9y^2$

b) $x^3 + 9x^2 + 27x + 27$

c) $4x^2 + 12xy + 9y^2$

d) $64x^3 - 48x^2y + 12xy^2 - y^3$

Bài 3. Phân tích mỗi đa thức sau thành nhân tử:

a) $(x + 2y)^2 - (2x - y)^2$

b) $x^3 + y^3 + z^3 - 3xyz$

Bài 4. Tính giá trị của mỗi biểu thức sau:

$A = x^2 + \frac{1}{2}x + \frac{1}{16}$ biết $x = \frac{3}{4}$

$B = x^2y^2 - 2xyz + z^2$ biết $z = xy$

Bài 5. Tìm x, biết:

a) $x^2 - 10x = -25$

b) $8x^3 + 12x^2 + 6x + 1 = 0$

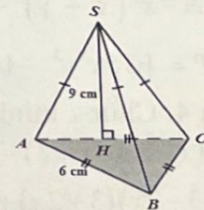
D. HÌNH HỌC

Bài 1. Cho hình chóp tam giác đều $S.ABC$ với kích thước như hình vẽ.

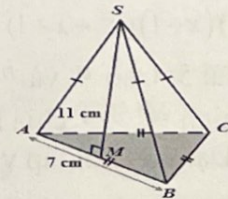
a) Tính chu vi tam giác ABC .

b) Cho biết độ dài trung đoạn hình chóp $S.ABC$.

c) Tính diện tích xung quanh của hình chóp tam giác đều $S.ABC$.



Bài 2. Cho một hình chóp tam giác đều $S.ABC$ có độ dài cạnh đáy AB bằng 7 cm và đường cao của tam giác cân SAB là $SM = 11$ cm. Tính diện tích xung quanh của hình chóp tam giác đều $S.ABC$.

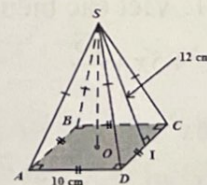


Bài 3. Cho hình chóp tứ giác đều $S.ABCD$ với kích thước như hình vẽ.

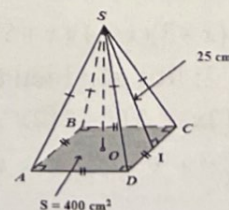
a) Tính chu vi đáy $ABCD$.

b) Cho biết độ dài trung đoạn hình chóp $S.ABCD$.

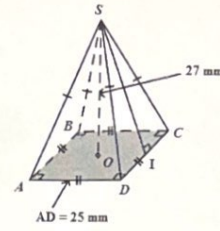
c) Tính diện tích xung quanh của hình chóp tứ giác đều $S.ABCD$.



Bài 4. Cho một hình chóp tứ giác đều $S.ABCD$ có diện tích đáy là 400 cm^2 , trung đoạn $SI = 25$ cm. Tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần (tức là tổng diện tích các mặt) của hình chóp tứ giác đều $S.ABCD$.

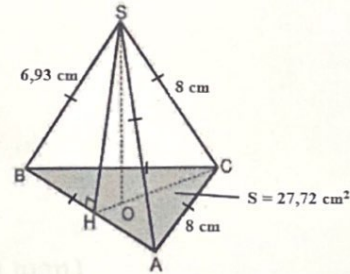


Bài 5. Cho hình chóp tứ giác đều $S.ABCD$ biết $AD = 25 \text{ mm}$, $SO = 27 \text{ mm}$. Tính thể tích hình chóp tứ giác đều $S.ABCD$?



Bài 6. Cho hình chóp tam giác đều $S.ABC$ với các kích thước như hình vẽ bên.

- Cho biết độ dài trung đoạn của hình chóp $S.ABC$.
- Tính diện tích xung quanh và diện tích toàn phần (tức là tổng các mặt) của hình chóp $S.ABC$.
- Tính thể tích của hình chóp tam giác đều $S.ABC$ biết chiều cao của hình chóp khoảng $7,5 \text{ cm}$.

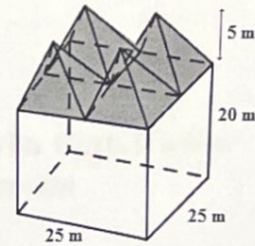


Dạng 2. Toán thực tế liên quan đến các công thức diện tích xung quanh, thể tích của các hình chóp tam giác đều, tứ giác đều

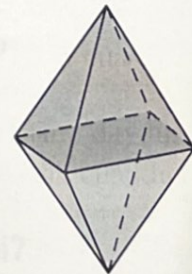
Bài 1. Một khối bê tông được làm có dạng hình chóp tam giác đều trong đó cạnh đáy hình chóp là 2 m , trung đoạn của hình chóp là 3 m . Người ta sơn ba mặt xung quanh của khối bê tông. Cứ mỗi mét vuông sơn cần trả 30000 đồng (tiền sơn và tiền công). Cần phải trả bao nhiêu tiền khi sơn ba mặt xung quanh?

Bài 2. Người ta muốn làm cái nhà kho bằng tôn hình lăng trụ tứ giác đều có mái che là bốn hình chóp tứ giác đều với kích thước đã cho trên hình.

- Tính diện tích tôn cần thiết dùng để lợp mái và che xung quanh, biết độ dài trung đoạn hình chóp là 8 m .
- Tính thể tích không khí trong kho sau khi xây dựng xong.



Bài 3. Bạn Hà làm một cái lồng đèn hình quả trám (xem hình bên) là hình ghép từ hai hình chóp tứ giác đều có cạnh đáy 20 cm , cạnh bên 32 cm , khoảng cách giữa hai đỉnh của hai hình chóp là 30 cm .



Nơi nhận:

- GVCN khối 8;
- Lưu.

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Ngô Thị Bích Liên

DẠNG CÂU HỎI ÔN TẬP GIỮA KÌ VĂN 8

PHẦN I: ĐỌC HIỂU

Bài 1: Đọc bài thơ sau:

CHIỀU HỒM NHỚ NHÀ

Chiều trời bảng lảng bóng hoàng hôn,
Tiếng ốc xa đưa lặn trông đồn.
Gác mái, ngư ông về viễn phố,
Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.
Ngàn mai gió cuốn chim bay mỏi,
Dặm liễu sương sa khách bước dồn.
Kẻ chốn trang đài, người lữ thứ,
Lấy ai mà kể nỗi hàn ôn?

(Bà Huyện Thanh Quan)

Câu 1: Tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ:

Câu 2: Nêu nội dung của bài thơ?

Câu 3: Em có nhận xét gì về nghệ thuật đặc sắc của bài thơ “Chiều hôm nhớ nhà”?

Câu 4: Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ trong các câu thơ sau:

Gác mái, ngư ông về viễn phố,
Gõ sừng, mục tử lại cô thôn.

Bài 2:

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu

CẢNH NHÀN

Nguyễn Bình Khiêm

“Một mai, một cuộc, một căn câu
Thơ thần dầu ai vui thú nào
Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ
Người khôn, người đến chốn lao xao
Thu ăn măng trúc, đông ăn giá
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao
Rượu đến cội cây, ta sẽ uống
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao.”

Câu 1: Trong bài thơ, có những cặp câu nào đã sử dụng nghệ thuật đối?

Câu 2: Điệp từ **một** được lặp lại ba lần trong câu thơ đầu tiên có tác dụng

Câu 3: Chữ **nhàn** trong nhan đề bài thơ thể hiện triết lý sống như thế nào?

Câu 4: Qua bài **Cảnh nhàn**, tác giả muốn thể hiện tình cảm gì?

Câu 5: Hãy chỉ ra và phân tích tác dụng các từ tượng hình, tượng thanh trong bài thơ trên?

Câu 6: Một nhà hiền triết từng nói rằng: “Trong tất cả mọi thứ quý giá trên đời, cái đẹp nhất chính là sự giản dị. Bởi đức tính ấy giúp người ta được thanh thản, nhẹ nhàng, bỏ đi những tảng đá ưu tư, phiền muộn”. Từ bài thơ trên cũng như hiểu biết của bản thân, hãy viết một đoạn văn theo cách diễn dịch 5 - 7 câu nêu suy nghĩ của em về lối sống giản dị. (Trong đoạn có sử dụng đảo ngữ, chú thích rõ)

Bài 3:

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu.

QUA ĐÈO NGANG

Bước tới Đèo Ngang, bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.
Lom khom dưới núi, tiều vài chú
Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.
Nhớ nước đau lòng, con quốc quốc,
Thương nhà mỏi miệng, cái gia gia.
Dừng chân đứng lại, trời, non, nước,
Một mảnh tình riêng, ta với ta.

(Bà Huyện Thanh Quan)

Câu 1: Những từ tượng hình có trong bài là gì?

Câu 2: Hai câu thơ “*Lom khom dưới núi, tiều vài chú/ Lác đác bên sông, chợ mấy nhà*” sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

Câu 3: Cách ngắt nhịp của bài thơ?

Câu 4: Bài thơ “Qua Đèo Ngang” khắc họa khung cảnh thiên nhiên như thế nào?

Câu 5: Nhân vật trữ tình trong bài thơ có tâm trạng như thế nào?

Câu 6: Nội dung chính của bài thơ “Qua Đèo Ngang” là gì?

Câu 7: Chỉ rõ và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ được sử dụng trong hai câu thơ:

*Lom khom dưới núi, tiều vài chú
Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.*

Câu 8: Từ nội dung của bài thơ kết hợp với hiểu biết xã hội, em hãy viết một đoạn văn theo cách diễn dịch 5 - 7 câu trình bày suy nghĩ về vai trò của quê hương đối với mỗi người. (Trong đoạn có sử dụng ít nhất 1 từ tượng hình hoặc tượng thanh, chú thích rõ)

Bài 4:

Phần I: Đọc hiểu (6.0 điểm): Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới bằng cách ghi lại chữ cái đứng trước đáp án đúng:

[...] Chàng còn đương hoang mang, thì thấy trong cửa Dương Minh đi ra một người vào trạc hai mươi bảy, hai mươi tám tuổi, chít khăn vàng, mặc áo bào vàng chên, đeo kiếm dài, mặt trái xoan, điểm những đường vân tía, trông hao hao nét mặt Khổng Phu Tử, thần khí quang thái, dáng trông uy nghiêm tôn kính, nhưng đạo mạo rất nhân từ. Ấy là vua Thiệu Bảo. Thấy Chiêu Thành vương, vua tươi cười, chàng bước lại phủ phục xuống bên đường, hô vạn tuế. Vua tiến lại, nâng dậy cất lời sang sảng phán:

- Xin hoàng thúc bình thân.

Vua ép chàng cùng đi song hàng và nói tiếp:

- Trẫm muốn nhờ hoàng thúc một việc, không ngờ lại gặp hoàng thúc ở đây, may lắm.

Hoàng thúc không cần lên Bắc vọi. - Hạ thần xin chờ lệnh thánh.

- Hoàng thúc chắc chưa biết rõ. Quân ta thua to quá, Chi Lăng đã mất, Thoát Hoan đánh xuống thế như chẻ tre, quân sĩ lại hung ác giết hại nhân dân rất nhiều. Quốc công kéo đại binh về Vạn kiếp, quân tướng tan vỡ. Trẫm lấy làm lo lắng, nay trẫm muốn về Vạn Kiếp hỏi chuyện Quốc công, nhưng không muốn bày vẽ nghi 11 thượng, trẫm tính đi chiếc thuyền con nhanh và tiện hơn, muốn mong hoàng thúc cùng đi...

- Hạ thần xin tuân thánh chỉ. Vương lúc ấy rất thẹn với mình, chàng cảm thấy như mình mang tội lớn với nhà vua, với xã tắc, với cả triều đình. Trong các vương hầu, chàng là người ra trận sau hơn cả, chùng chình mãi đến khi cất quân đi còn ham bè son phấn. Vương coi chính như mình đã mang một trách nhiệm lớn trong sự thất bại của quan

quân. Vì thế Vương ngưng nghệu, tuy vua Thiệu Bảo rất ôn tồn không nói gì và cũng không biết gì về chuyện đêm qua. Vua vui vẻ và thân mật bảo chàng:

- Vậy hai chú cháu ta cùng đi ngay.

- Tâu quan gia, hạ thần xin tuân mệnh, chỉ xin quan gia cho hạ thần báo tin trước cho quân bản bộ kéo họ nóng ruột vì họ đang sốt sắng ra trận.

- Hoàng thúc thực là chu đáo. Vậy hoàng thúc về ngay đây nhé, trẫm cũng còn phải bảm mệnh Thượng hoàng. Vương mượn một con ngựa phóng ra ngoài thành Long Phụng. Xa xa, cánh đồng đã hiện rõ lá cờ “Tinh Cương”. Chàng tiến lại, Trần Quý và đoàn gia tướng ra đón, hai nghìn tráng sĩ thấy chủ về ai nấy đều hớn hỏ bảo nhau sửa soạn lên đường. Họ bị “giam cầm” nay mới được gia trận, người nào cũng mong chóng được lên Bắc, giao chiến cùng rợ Mông để tỏ chí bình sinh và báo ơn chủ tướng. Trần Quý trạc năm mươi tuổi, tóc bạc râu thưa, trông tráng kiện và có vẻ hiền lành cẩn thận. Vương cùng Trần Quý và các gia tướng đi thăm đội ngũ, thấy quân ngăn nắp tề chỉnh, quay lại khen Trần Quý và bảo mọi người:

- Ta phải đi lo một việc khẩn cấp không tiện nói ra đây. Các người mong muốn lên đường, ta biết, nhưng đành vậy, hãy nán nà chờ ta vài bữa. Ta đi, công việc lớn nhỏ ở nhà giao cả cho Quý, các người nên nghe lời Quý cũng như nghe lời ta. Đừng có sao nhãng nghề binh, chểnh mảng đội ngũ. Các người chưa ra trận cũng như ra trận rồi, ở nhà mà luyện tập thân thể cho thêm cứng rắn, võ nghệ cho thêm tinh thông, ấy cũng là đánh giặc đấy. Chàng chào mọi người rồi bước ra. Họ có ý thất vọng và dường như ghen cùng chủ, nhưng sau khi hiểu họ không oán chàng nữa, cho rằng việc chàng phải đi đây chắc còn quan trọng gấp mười việc ra trận. Họ cũng thừa hiểu chính vương cũng sốt ruột lắm, không khi nào chàng lại có ý hoãn việc tiến binh [...]. (Trích An Tư - Phần 1, Chương 2, Nguyễn Huy Tưởng)

Câu 2. Các từ ngữ: hoàng thúc, thánh chỉ, lệnh thánh, tiến binh, tráng sĩ...là ngôn ngữ đặc trưng cho thể loại truyện gì?

A. Truyện ngụ ngôn

B. Truyện lịch sử

C. Truyện khoa học viễn tưởng.

D. Truyện đồng thoại

Câu 3. Kẻ thù nào được nhắc đến trong đoạn trích trên?

A. Giặc phương Bắc

B. Giặc Mông

C. Giặc trong nước

D. Giặc Nguyên

Câu 4. Vua Thiệu Bảo muốn Chiêu Thành vương thực hiện nhiệm vụ gì?

A. Đưa quân ra trận đánh giặc 12

B. Chiêu mộ binh lính, tập luyện để đánh giặc

C. Đánh cờ cùng vua.

D. Muốn Chiêu Thành vương đưa vua về Vạn Kiếp hỏi chuyện Quốc công vì giặc già tấn công quá mạnh.

Câu 5. Chiêu Thành vương có bao nhiêu tráng sĩ trong tay?

A. Một ngàn tráng sĩ

B. Hai ngàn tráng sĩ

C. Ba ngàn tráng sĩ

D. Bốn ngàn tráng sĩ

Câu 6. Vì sao vua Thiệu Bảo muốn về Vạn Kiếp hỏi chuyện Quốc công?

A. Về để báo kết quả đánh giặc thắng lợi.

B. Vì “Quân ta thua to quá, Chi Lăng đã mất... Quốc công kéo đại binh về Vạn Kiếp, quân tướng tan vỡ”.

C. Vì Vạn Kiếp là nơi có nhiều tráng sĩ giỏi.

D. Cả A, B đều đúng

Câu 7. Vì sao các tráng sĩ lại “có ý thất vọng và dường như ghen cùng chủ” khi biết chưa được ra trận đánh giặc?

- A. Vì họ muốn “mong chóng được lên Bắc, giao chiến cùng rợ Mông để tỏ chí bình sinh và báo ơn chủ tướng”.
- B. Vì họ không được đi cùng chủ tướng, không muốn giao chiến với rợ Mông
- C. Vì họ không giỏi bằng chủ tướng
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 8. Lời dặn dò: Ta đi, công việc lớn nhỏ ở nhà giao cả cho Quĩ, các người nên nghe lời Quĩ cũng như nghe lời ta, chứng tỏ:

- A. Chiêu Thành vương muốn quân lính chấp hành mệnh lệnh.
- B. Chiêu Thành vương rất tin tưởng về năng lực lãnh đạo quân sĩ của Quĩ.
- C. Chiêu Thành vương đã hết cách.
- D. Cả A, B, C đều đúng

Câu 9. Chiêu Thành vương khi cùng Trần Quĩ và các gia tướng đi thăm đội ngũ đã căn dặn điều gì? Qua đó, giúp em cảm nhận được điều gì về nhân vật này?

Câu 10. Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 đến 7 câu) trình bày suy nghĩ về trách nhiệm của tuổi trẻ xưa và nay đối với non sông đất nước.

PHẦN II: TẬP LÀM VĂN

Đề 1: Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật).

Đề 2: Viết bài văn kể về chuyến đi tham quan một di tích lịch sử, văn hoá ở địa phương em.

**DANH SÁCH DUYỆT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I
NĂM HỌC 2023-2024**

TT	Môn	Nhóm trưởng	Tổ trưởng	BGH phụ trách
1	Ngữ văn 6	Phạm Thủy Dương	Doãn Thị Xuân Thanh	Ngô Thị Bích Liên
2	Ngữ văn 7	Trần Thị Thu Hồng	Doãn Thị Xuân Thanh	Ngô Thị Bích Liên
3	Ngữ văn 8	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Doãn Thị Xuân Thanh	Ngô Thị Bích Liên
4	Ngữ văn 9	Lưu Thị Huyền	Doãn Thị Xuân Thanh	Ngô Thị Bích Liên
5	Lịch sử 9	Nguyễn Thị Hồng	Doãn Thị Xuân Thanh	Ngô Thị Bích Liên
6	Địa lý 9	Ngô Thị Chung Hậu	Doãn Thị Xuân Thanh	Ngô Thị Bích Liên
7	Lịch sử và Địa lý 6,7,8	Ngô Thị Chung Hậu Nguyễn Thị Hồng	Doãn Thị Xuân Thanh	Ngô Thị Bích Liên
8	Giáo dục công dân	Phạm Thanh Huyền	Doãn Thị Xuân Thanh	Ngô Thị Bích Liên
9	Tiếng Anh 6, 7	Nguyễn Thị Thùy Dương	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Ngô Thị Bích Liên
10	Tiếng Anh 8, 9	Vũ Thị Trang	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Ngô Thị Bích Liên
11	Giáo dục thể chất	Nguyễn Kim Anh	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Ngô Thị Bích Liên
12	Nghệ thuật (Âm nhạc)	Đào Lan Hương	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Ngô Thị Bích Liên
13	Nghệ thuật (Mỹ thuật)	Hoàng Thị Huyền Trang	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Ngô Thị Bích Liên
14	Toán 6	Phạm Thùy Linh	Hồ Mai Thúy	Nguyễn Ngọc Sơn
15	Toán 7	Đào Minh Cảnh	Hồ Mai Thúy	Nguyễn Ngọc Sơn
16	Toán 8	Nguyễn Thị Hòa	Hồ Mai Thúy	Nguyễn Ngọc Sơn
17	Toán 9	Nguyễn Thị Hà	Hồ Mai Thúy	Nguyễn Ngọc Sơn
18	Tin học 6,7,8	Phạm Thị Mùi	Hồ Mai Thúy	Nguyễn Ngọc Sơn
19	GD&P, HĐTN	Nguyễn Thị Kim Tuyến	Hồ Mai Thúy	Nguyễn Ngọc Sơn
20	Khoa học tự nhiên 6,7,8	Nguyễn Thị Thu Hà	Lê Thị Loan	Nguyễn Ngọc Sơn
21	Hóa học 9	Trần Ngọc Ánh	Lê Thị Loan	Nguyễn Ngọc Sơn
22	Sinh học 9	Vũ Thị Hương	Lê Thị Loan	Nguyễn Ngọc Sơn
23	Vật lý 9	Vũ Thị Hạnh	Lê Thị Loan	Nguyễn Ngọc Sơn
24	Công nghệ	Bành Thị Thanh Huyền	Lê Thị Loan	Nguyễn Ngọc Sơn

Nơi nhận:

- CB, GV, NV (Thực hiện);
- Lưu: VP.



Phạm Thị Hải Vân

TRƯỜNG THCS ÁI MỘ

PHỤ LỤC 2: LỊCH KIỂM TRA GIỮA KỲ I - NĂM HỌC 2023-2024

(Kèm theo KH số 48 ngày 29 tháng 9 năm 2023)

Tuần	Thứ/Ngày	Môn	Khối	Tiết	TG làm bài	Ghi chú
8	Thứ Hai (23/10)	Công nghệ	6,7,8, 9	3	45 phút	Môn: - Thẻ đục khối 9 và Giáo dục thể chất khối 6,7,8 - Mỹ thuật khối 8; Âm nhạc khối 9; Nghệ thuật khối 6,7,8 - HĐTNHN khối 6,7,8 - GDĐP khối 6,7,8 - Ngoại ngữ 2 (Nhật, Hàn) Giáo viên dạy sắp xếp kiểm tra theo TKB tuần 8,9; GV lưu minh chứng kiểm tra phù hợp với đặc trưng bộ môn. (báo BGH lịch KT để TB tới GVCN, CMHS và HS)
	Thứ Ba (24/10)	Lịch sử	9	2	45 phút	
		Lịch sử và Địa lý	6,7,8	3,4	60 phút	
	Thứ Tư (25/10)	Vật lý	9	2	45 phút	
		Tin	6,7,8	2	45 phút	
	Thứ Năm (26/10)	GDCD	6,7,8,9	2	45 phút	
9	Thứ Sáu (27/10)	Hóa	9	2	45 phút	
		KHTN	6,7,8	3,4	90 phút	
	Thứ Hai (30/10)	Tiếng Anh	6,7,8,9	3,4	60 phút	
	Thứ Ba (31/10)	Địa lý	9	1	45 phút	
	Thứ Tư (01/11)	Sinh	9	1	45 phút	
	Thứ Năm (02/11)	Ngữ văn	6,7,8,9	3,4	90 phút	
	Thứ Sáu (03/11)	Toán	6,7,8,9	1,2	90 phút	

Ngọc Lâm ngày 29 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thị Hải Vân